TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12-9-2019
Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Diền

2. Ông Đặng Hoàng Mơn

- ***Thư ký phiên tòa***: ông Nguyễn Chí Tâm - Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa***: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/8/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị M, sinh năm 1970; địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn V, huyện T, tỉnh Kiên Giang (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Danh C, sinh năm 1973; địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn V, huyện T, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/03/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Ngô Thị M trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà M và ông C chung sống năm 2004, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông C thường xuyên nhậu nhẹt, kiếm chuyện chửi mắn và đánh đập bà M, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn hàn gắng được nữa, vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay bà M yêu cầu ly hôn với ông C.

- *Về con chung*: Bà M xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Danh Thị Anh T, giới tính: nữ, sinh ngày 17/12/2007, từ khi ly thân đến nay bà M là người trực tiếp nuôi con. Nay bà M yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Bà M xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà M xác định vợ chồng không nợ ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông C để ông trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà M cũng như tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng ông C không nộp bản tự khai cho Tòa án, cố tình trốn tránh, vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Ngô Thị M và ông Danh C. Về con chung đề nghị giao cháu Danh Thị Anh T, giới tính: nữ, sinh ngày 17/12/2007 cho bà M nuôi dưỡng. Về cấp duỡng bà M không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và không nợ ai nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Danh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của ông C không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông C.

[2] *Quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn bà Mận yêu cầu ly hôn với bị đơn ông C và có yêu cầu nuôi con chung. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*: Bà M và ông C chung sống với nhau vào năm 2004, ông bà chung sống là tự nguyện và không vị phạm các điều kiện cấm kết hôn, quá trình chung sống ông bà không đến Ủy ban nhân dân có thẩm quyền để đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và Gia đình thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Nay có mâu thuẫn và bà M xin ly hôn với ông C nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Ngô Thị M và ông Danh C.

[4] *Về con chung:* Bà M xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Danh Thị Anh T, giới tính: nữ, sinh ngày 17/12/2007. Bà M yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy nguyện vọng của cháu T mong muốn được chung sống với bà M, chính quyền địa phương xác nhận bà M có đủ điều kiện nuôi con, cháu T hiện đang sống với bà M. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 *(quy định về việc trông nôm, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn)* của Luật hôn nhân và gia đình 2014, giao cháu Danh Thị Anh T, giới tính: nữ, sinh ngày 17/12/2007 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông C có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Do bà M không yêu cầu nên không xem xét.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà M xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và không thiếu nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí sơ thẩm:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, nguyên đơn bà M chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 57, của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; các Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Ngô Thị M và ông Danh C.

2. Về con chung: Giao cháu Danh Thị Anh T, giới tính: nữ, sinh ngày 17/12/2007 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng (cháu T đang chung sống với bà M), ông C không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông C có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà M xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và không thiếu nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Bà M chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000017 ngày 06/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận. Bà M không phải nộp thêm.

5. Nguyên đơn bà M có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/9/2019). Bị đơn ông Danh C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND thị trấn Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phượng